

Số: 105/KH-UBND

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 07 năm 2018

KẾ HOẠCH

TRỢ GIÚP ĐÀO TẠO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA NĂM 2019

Thực hiện Công văn số 4794/BKHĐT-PTDN ngày 13/7/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng kế hoạch trợ giúp đào tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) năm 2019, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo nhu cầu trợ giúp đào tạo cho DNNVV từ nguồn ngân sách trung ương năm 2019 và xây dựng kế hoạch trợ giúp đào tạo cho DNNVV năm 2019, cụ thể như sau:

I. Nhu cầu trợ giúp đào tạo cho DNNVV: Từ nguồn ngân sách Trung ương

	Nội dung	Số khóa đào tạo	Địa bàn	Tổng SL học viên
01	Lớp Khởi sự doanh nghiệp: - Đào tạo chuyển đổi hộ kinh doanh lên doanh nghiệp - Tư vấn doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	04	Quảng Ngãi	200
02	Lớp Quản trị Doanh nghiệp: Đào tạo doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	06	Quảng Ngãi	300
03	Lớp Quản trị Doanh nghiệp chuyên sâu: Đào tạo cho DNNVV trong lĩnh vực sản xuất, chế biến	08	Quảng Ngãi	400

- Thời gian thực hiện: Năm 2019

- Kinh phí thực hiện: **1.111.500.000** đồng.

II. Kế hoạch trợ giúp đào tạo cho DNNVV: Từ nguồn ngân sách tỉnh Quảng Ngãi

TT	Nội dung	Số khóa đào tạo
01	Lớp Khởi sự doanh nghiệp: - Đào tạo chuyển đổi hộ kinh doanh lên doanh nghiệp - Tư vấn doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	20
02	Lớp Quản trị Doanh nghiệp: Đào tạo doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	12
03	Lớp Quản trị Doanh nghiệp chuyên sâu: Đào tạo cho DNNVV trong lĩnh vực sản xuất, chế biến	8

- Thời gian thực hiện: Năm 2019

- Kinh phí thực hiện: **2.098.800.000** đồng.

(Kèm theo phụ lục Dự toán chi tiết kinh phí tổ chức khóa đào tạo nguồn nhân lực DNNVV năm 2019)

Trên đây là nhu cầu trợ giúp đào tạo cho DNNVV năm 2019 của tỉnh Quảng Ngãi, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp);
- Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, Tài chính, LĐTBXH;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Hội Doanh nhân trẻ Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP, CBTH;
- Lưu: VT, THbha221.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Trường Thọ

**TỔNG DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ TỔ CHỨC KHÓA ĐÀO TẠO
NGUỒN NHÂN LỰC DNNVV NĂM 2019**

Nguồn: Ngân sách Trung ương

(Kèm theo Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 25/7/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Số lớp	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Khởi sự Doanh nghiệp	4	37.350	149.400	
2	Quản trị Doanh nghiệp	6	64.950	389.700	
3	Quản trị Doanh nghiệp chuyên sâu	8	71.550	572.400	
	Tổng cộng:			1.111.500	

**TỔNG DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ TỔ CHỨC KHÓA ĐÀO TẠO
NGUỒN NHÂN LỰC DNNVV NĂM 2019**

Nguồn: Ngân sách tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 25/7/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Số lớp	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Khởi sự Doanh nghiệp	20	37.350	747.000	
2	Quản trị Doanh nghiệp	12	64.950	779.400	
3	Quản trị Doanh nghiệp chuyên sâu	8	71.550	572.400	
	Tổng cộng:			2.098.800	

ĐƠN VỊ: TỈNH QUẢNG NGÃI

Phụ lục 3.2

(Ban hành kèm theo TTLT số 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC)

**DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ TỔ CHỨC KHÓA ĐÀO TẠO NGUỒN
NHÂN LỰC DNNVV NĂM 2019**

(Kèm theo Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 25/7/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị đào tạo: UBND tỉnh Quảng Ngãi

Địa điểm thực hiện: Tỉnh Quảng Ngãi

Thời gian thực hiện: Năm 2019

Khóa đào tạo: **Lớp Khởi sự Doanh nghiệp**

Số học viên tham gia: 50 Học viên

DVT: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung chi	ĐV tính (buổi, học viên)	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Phân chia nguồn			Ghi chú
						NSNN hỗ trợ	Nguồn thu học phí của học viên	Nguồn đóng góp, tài trợ	
a	b	c	d	e	f= d x e	g	h	i	j
A	Chi phí tổ chức 1 khóa đào tạo = (1 + (2))				37.350	37.350	0	0	
1	Chi phục vụ trực tiếp khóa đào tạo				33.350	33.350	0	0	
-	Chi cho giảng viên				12.800	12.800	0	0	
+	Thù lao	Buổi	6	600	3.600	3.600	0	0	
+	Chi phí đi lại	Lượt	2	3.000	6.000	6.000	0	0	

+	Chi phí lưu trú	Ngày/đêm	4	600	2.400	2.400	0	0
+	Phụ cấp tiền ăn	Ngày	4	200	800	800	0	0
-	Chi phí tài liệu	Bộ	50	35	1.750	1.750	0	0
	Thuê hội trường, phòng học, thiết bị phạm vi học tập				8.100	8.100	0	0
+	Thuê hội trường	Ngày	3	2.000	6.000	6.000	0	0
+	Thiết bị phạm vi học tập	Ngày	3	700	2.100	2.100	0	0
-	Văn phòng phẩm	Bộ	50	25	1.250	1.250	0	0
-	Nước uống, giải khát giữa giờ	Ngày/ Người	3x50	20	3.000	3.000	0	0
-	Chi khai giảng, bế giảng	Lần/ người	2x3	200	1.200	1.200	0	0
-	Ra đề thi, coi thi, chấm thi	Lần	1	1.000	1.000	1.000	0	0
	Chi cho học viên đi khảo sát thực tế - nếu có (Thuê phương tiện đưa đón học viên)				0	0	0	0
+	Thuê phương tiện	Lượt	0	0	0	0	0	0
+	Hỗ trợ tiền ăn	Học viên	0	0	0	0	0	0
-	Chi in và cấp	Học viên	50	25	1.250	1.250	0	0

	chúng chỉ								
-	Khen thưởng học viên xuất sắc	Học viên	5	200	1.000	1.000	0	0	
-	Chi phí khác: điện, nước, trông xe,...		0	0	0	0	0	0	
-	Chi phí chiêu sinh	Lần	1	2.000	2.000	2.000	0	0	
2	Chi hoạt động quản lý một khóa đào tạo (Tối đa 10% trên tổng chi phí tổ chức 1 khóa đào tạo)				4.000	4.000	0	0	
	Công tác phí cho cán bộ quản lý khóa đào tạo (áp dụng trong trường hợp khóa đào tạo ở xa đơn vị đào tạo)				3.200	3.200	0	0	
+	<i>Chi phí đi lại</i>	Lượt	2	1.000	2.000	2.000	0	0	
+	<i>Tiền ăn</i>	Ngày/đêm	3	200	600	600	0	0	
+	<i>Tiền ở</i>	Ngày	3	200	600	600	0	0	
	Chi làm thêm giờ của cán bộ quản lý lớp (nếu có)	Ngày	0	0	0	0	0	0	
	Tổ chức các cuộc họp	Ngày	0	500	0	0	0	0	

	nhằm triển khai khóa học							
	Chi phí khác để phục vụ quản lý, điều hành lớp học	Ngày	4	200	800	800	0	0
B	Hỗ trợ học phí cho học viên ở địa bàn ĐBKK = (Mức hỗ trợ học phí cho 01 HV ĐBKK) x (Số HV ĐBKK)					0	0	0
	Mức hỗ trợ học phí cho 01 HV ĐBKK = (Số NSNN hỗ trợ tại dòng A cột g - Số huy động tài trợ tại dòng A cột i): (Tổng số học viên tham gia)					0	0	0
C	Tổng cộng số tiền NSNN hỗ trợ tổ chức lớp học = A+B					37.350	0	0

ĐƠN VỊ: TỈNH QUẢNG NGÃI

Phụ lục 3.2

(Ban hành kèm theo TTLT số 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC)

**DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ TỔ CHỨC KHÓA ĐÀO TẠO NGUỒN
NHÂN LỰC DNNVV NĂM 2019**

(Kèm theo Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 25/7/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị đào tạo: UBND tỉnh Quảng Ngãi

Địa điểm thực hiện: Tỉnh Quảng Ngãi

Thời gian thực hiện: Năm 2019

Khóa đào tạo: **Lớp Quản trị Doanh nghiệp**

Số học viên tham gia: 50 Học viên

DVT: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung chi	ĐV tính (buổi, học viên)	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Phân chia nguồn			Ghi chú
						NSNN hỗ trợ	Nguồn thu học phí của học viên	Nguồn đóng góp, tài trợ	
a	b	c	d	e	f= d x e	g	h	i	j
A	Chi phí tổ chức 1 khóa đào tạo = (1 + (2))				64.950	64.950	0	0	
1	Chi phục vụ trực tiếp khóa đào tạo				59.750	59.750	0	0	
-	Chi cho giảng viên				16.800	16.800	0	0	
+	Thù lao	Buổi	10	600	6.000	6.000	0	0	
+	Chi phí đi lại	Lượt	2	3.000	6.000	6.000	0	0	

+	<i>Chi phí lưu trú</i>	Ngày/đêm	6	600	3.600	3.600	0	0
+	<i>Phụ cấp tiền ăn</i>	Ngày	6	200	1.200	1.200	0	0
-	Chi phí tài liệu	Bộ	50	35	1.750	1.750	0	0
	Thuê hội trường, phòng học, thiết bị phạm vi học tập				13.500	13.500	0	0
+	Thuê hội trường	Ngày	5	2.000	10.000	10.000	0	0
+	Thiết bị phạm vi học tập	Ngày	5	700	3.500	3.500	0	0
-	Văn phòng phẩm	Bộ	50	25	1.250	1.250	0	0
-	Nước uống, giải khát giữa giờ	Ngày/ Người	3x50	20	5.000	5.000	0	0
-	Chi khai giảng, bế giảng	Lần/ Người	2x3	200	1.200	1.200	0	0
-	Ra đề thi, coi thi, chấm thi	Lần	1	1.000	1.000	1.000	0	0
	Chi cho học viên đi khảo sát thực tế - nếu có (<i>Thuê phương tiện đưa đón học viên</i>)				15.000	15.000	0	0
+	Thuê phương tiện	Lượt	5	2.000	10.000	10.000	0	0

+	Hỗ trợ tiền ăn	Học viên	50	100	5.000	5.000	0	0
-	Chi in và cấp chứng chỉ	Học viên	50	25	1.250	1.250	0	0
-	Khen thưởng học viên xuất sắc	Học viên	5	200	1.000	1.000	0	0
-	Chi phí khác: điện, nước, trông xe,...		0	0	0	0	0	0
-	Chi phí chiêu sinh	Lần	1	2.000	2.000	2.000	0	0
2	Chi hoạt động quản lý một khóa đào tạo (Tối đa 10% trên tổng chi phí tổ chức 1 khóa đào tạo)				5.200	5.200	0	0
	Công tác phí cho cán bộ quản lý khóa đào tạo (áp dụng trong trường hợp khóa đào tạo ở xa đơn vị đào tạo)				4.000	4.000	0	0
+	<i>Chi phí đi lại</i>	Lượt	2	1.000	2.000	2.000	0	0
+	<i>Tiền ăn</i>	Ngày/đêm	5	200	1.000	1.000	0	0
+	<i>Tiền ở</i>	Ngày	5	200	1.000	1.000	0	0
	Chi làm thêm giờ của cán bộ quản lý lớp (nếu có)	Ngày	0	0	0	0	0	0

	Tổ chức các cuộc họp nhằm triển khai khóa học	Ngày	0	500	0	0	0	0
	Chi phí khác để phục vụ quản lý, điều hành lớp học	Ngày	6	200	1.200	1.200	0	0
B	Hỗ trợ học phí cho học viên ở địa bàn ĐBK = (Mức hỗ trợ học phí cho 01 HV ĐBK) x (Số HV ĐBK)					0	0	0
	Mức hỗ trợ học phí cho 01 HV ĐBK = (Số NSNN hỗ trợ tại dòng A cột g - Số huy động tài trợ tại dòng A cột i): (Tổng số học viên tham gia)					0	0	0
C	Tổng cộng số tiền NSNN hỗ trợ tổ chức lớp học = A+B					64.950	0	0

Phụ lục 3.2

ĐƠN VỊ: TỈNH QUẢNG NGÃI

(Ban hành kèm theo TTLT số 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC)

DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ TỔ CHỨC KHÓA ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC DNNVV NĂM 2019

(Kèm theo Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 25/7/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị đào tạo: UBND tỉnh Quảng Ngãi

Địa điểm thực hiện: Tỉnh Quảng Ngãi

Thời gian thực hiện: Năm 2019

Khóa đào tạo: **Lớp Quản trị doanh nghiệp chuyên sâu**

Số học viên tham gia: 50 Học viên

DVT: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung chi	ĐV tính (buổi, học viên)	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Phân chia nguồn			Ghi chú
						NSNN hỗ trợ	Nguồn thu học phí của học viên	Nguồn đóng góp, tài trợ	
a	b	c	d	e	f= d x e	g	h	i	j
A	Chi phí tổ chức 1 khóa đào tạo = (1 + (2))				71.550	71.550	0	0	
1	Chi phục vụ trực tiếp khóa đào tạo				65.150	65.150	0	0	
-	Chi cho giảng				20.800	20.800	0	0	

	viên								
+	<i>Thù lao</i>	Buổi	14	600	8.400	8.400	0	0	
+	<i>Chi phí đi lại</i>	Lượt	2	3.000	6.000	6.000	0	0	
+	<i>Chi phí lưu trú</i>	Ngày/đêm	8	600	4.800	4.800	0	0	
+	<i>Phụ cấp tiền ăn</i>	Ngày	8	200	1.600	1.600	0	0	
-	Chi phí tài liệu	Bộ	50	35	1.750	1.750	0	0	
	Thuê hội trường, phòng học, thiết bị phạm vi học tập				18.900	18.900	0	0	
+	Thuê hội trường	Ngày	7	2.000	14.000	14.000	0	0	
+	Thiết bị phạm vi học tập	Ngày	7	700	4.900	4.900	0	0	
-	Văn phòng phẩm	Bộ	50	25	1.250	1.250	0	0	
-	Nước uống, giải khát giữa giờ	Ngày/ Người	7x50	20	7.000	7.000	0	0	
-	Chi khai giảng, bế giảng	Lần/ Người	2x3	200	1.200	1.200	0	0	
-	Ra đề thi, coi thi, chấm thi	Lần	1	1.000	1.000	1.000	0	0	
	Chi cho học viên đi khảo sát thực tế - nếu có (<i>Thuê phương tiện đưa đón học</i>				9.000	9.000	0	0	

	<i>viên)</i>								
+	Thuê phương tiện	Lượt	2	2.000	4.000	4.000	0	0	
+	Hỗ trợ tiền ăn	Học viên	50	100	5.000	5.000	0	0	
-	Chi in và cấp chứng chỉ	Học viên	50	25	1.250	1.250	0	0	
-	Khen thưởng học viên xuất sắc	Học viên	5	200	1.000	1.000	0	0	
-	Chi phí khác: điện, nước, trông xe,...		0	0	0	0	0	0	
-	Chi phí chiêu sinh	Lần	1	2.000	2.000	2.000	0	0	
2	Chi hoạt động quản lý một khóa đào tạo (Tối đa 10% trên tổng chi phí tổ chức 1 khóa đào tạo)				6.400	6.400	0	0	
	Công tác phí cho cán bộ quản lý khóa đào tạo (áp dụng trong trường hợp khóa đào tạo ở xa đơn vị đào tạo)				4.800	4.800	0	0	
+	<i>Chi phí đi lại</i>	Lượt	2	1.000	2.000	2.000	0	0	
+	<i>Tiền ăn</i>	Ngày/đêm	7	200	1.400	1.400	0	0	
+	<i>Tiền ở</i>	Ngày	7	200	1.400	1.400	0	0	

	Chi làm thêm giờ của cán bộ quản lý lớp (nếu có)	Ngày	0	0	0	0	0	0
	Tổ chức các cuộc họp nhằm triển khai khóa học	Ngày	0	500	0	0	0	0
	Chi phí khác để phục vụ quản lý, điều hành lớp học	Ngày	8	200	1.600	1.600	0	0
B	Hỗ trợ học phí cho học viên ở địa bàn ĐBKK = (Mức hỗ trợ học phí cho 01 HV ĐBKK) x (Số HV ĐBKK)					0	0	0
	Mức hỗ trợ học phí cho 01 HV ĐBKK = (Số NSNN hỗ trợ tại dòng A cột g - Số huy động tài trợ tại dòng A cột i): (Tổng số học viên tham gia)					0	0	0
C	Tổng cộng số tiền NSNN hỗ trợ tổ chức lớp học = A+B					71.550	0	0